liú yán

流言

noun · rumor / gossip

Example Sentences

Zhè xiē liú yán háo wú gēn jù bù yào xiāng xìn
这些流言毫无根据，不要相信。

These rumors are groundless; don't believe them.

Liú yán chuán bō de hěn kuài dàn zhēn xiàng zǒng huì fú chū shuǐ miàn
流言传播得很快，但真相总会浮出水面。

Rumors spread quickly, but the truth always comes to light.

Trace each character, then write the word on your own.

流 流 流 流 流 流 流 流 流 流 流
流 流

言 言 言 言 言 言 言 言 言 言